

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 174 /2019/DS-PT
Ngày 14 - 6 - 2019
V/v Tranh chấp ranh giới quyền
sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Ông Ngô Tấn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 98/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C.L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 98/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ Thái H, sinh năm 1966.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Số nhà 176, tổ 7, ấp Thanh T, xã N.M, huyện C. L, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn: Luật sư Võ Thị Băng Gi – Văn phòng luật sư Băng Gi – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Võ Văn H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số nhà 173, tổ 7, ấp Thanh T, xã Nh.M, huyện C. L, Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Phạm Thị Ngọc T(Bé S), sinh năm 1967.

3.2. Võ Huy H, sinh năm 2000.

3.3. Võ Hoàng H, sinh năm 2001.

Người đại diện hợp pháp anh Võ Huy H, anh Võ Hoàng H: Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1967 (mẹ ruột);

Cùng địa chỉ: Số 176, tổ 7, ấp Th.T, xã Nh.M, huyện C. L, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Mai Thị L, sinh năm 1976.

3.5. Võ Thị Thảo Ng, sinh năm 2001.

Người đại diện hợp pháp của Võ Thị Thảo Ng, Mai Thị L: Anh Võ Văn H, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Số 173, tổ 7, ấp Thanh T, xã Nh.M, huyện C. L, Đồng Tháp,

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Thái H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Võ Thái H và người đại diện bà Phạm Thị Ngọc T trình bày:

Nguồn gốc đất là do ông H chuyển nhượng của em ruột là bà Võ Thị L vào năm 2014, diện tích 495m². Khi chuyển nhượng thì không đo đạc, không được hai người giáp ranh là bà Kh (hiện nay đất đã chuyển nhượng cho ông Nh) và anh H(là em ruột ông Hòa) ký xác định ranh.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014 thì ông H có thuê người cắm 03 trụ đá giáp ranh với phía anh H. Căn cứ để ông H cắm trụ ranh phía giáp anh H là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông H được cấp, được xác định như sau:

+ Trụ 1: ở vị trí giáp lộ Quảng Khánh, được tính từ trụ đá giáp ranh ông Nh đo về phía đất của anh H 11,99m.

+ Trụ 2: ở vị trí khoảng 1/3 chiều dài đất tính từ lộ Quảng Khánh đến phía sông Cả Môn, được tính từ trụ đá giáp ranh ông Nh đo về phía đất của anh H nhưng đo qua bao nhiêu thì bà T không biết.

+ Trụ 3: ở vị trí giáp sông Cả Môn, được tính từ trụ đá giáp ranh ông Nh đo về phía đất của anh H 12,07m.

Anh H có chứng kiến và đồng ý việc ông H cắm 03 trụ đá như đã nêu, có ông M và ông V làm chứng.

Đến khoảng cuối năm 2017, ông H phát hiện trụ đá bị di dời nhưng ông H không biết ai dời. Qua xem xét, thẩm định 03 trụ đá đúng là trụ đá do ông H cắm nhưng đã bị di dời khỏi vị trí cũ.

Ông H xác định khi nhận chuyển nhượng đất bà L thì trên phần đất của anh H đã cất nhà sinh sống. Đến cuối năm 2017, anh H xây nền nhà và hàng rào, di dời căn nhà cũ đến vị trí hiện nay nên ông H xác định anh H đã lấn chiếm đất của ông H. Sau khi phát hiện ranh đất bị sai lệch, ông H đã báo chính quyền địa phương giải quyết. Tại buổi hòa giải ở Ủy ban nhân dân xã Nh.M (không nhớ hòa giải ngày nào), anh H đồng ý trả lại diện tích đất lấn chiếm 1m chiều ngang cho ông H. Tuy nhiên anh H không thừa nhận nội dung này thì ông H cũng không có căn cứ chứng minh, không có người làm chứng cho lời trình bày của mình.

Diện tích đất tranh chấp nêu trên từ khi chuyển nhượng đến nay phía ông H chưa sử dụng, hiện trạng phần đất trống. Chứng cứ để ông H xác định anh H lấn ranh quyền sử dụng là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H được Ủy ban nhân dân huyện C.L cấp vào ngày 25/01/2014. Ngoài ra ông H không còn chứng cứ nào khác.

Đối với ý kiến của Hội đồng hòa giải của Ủy ban nhân dân xã Nh.M xác định hồ sơ tách thửa (từ ông Th tách thửa cho bà L, bà L chuyển nhượng cho ông H) thể hiện chiều ngang thửa đất là 11m, quá trình đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang bản đồ lưới tọa độ có sai sót thì ông H không đồng ý. Ông H yêu cầu căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xác định đúng diện tích đất cấp cho ông.

Bà T đại diện thống nhất với diện tích đo đạc thể hiện theo Bản đồ trích đo, Sơ đồ mốc diện tích đất tranh chấp cùng ngày 13/7/2018 và kết quả định giá của Biên bản định giá ngày 08/8/2018.

Bà T đại diện cho ông H yêu cầu xác định ranh như sau: Từ mốc M3A đo về mốc M5A một đoạn 0,51m xác lập mốc M3B. Ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông H và anh H là đường thẳng tính từ mốc M3B đến mốc M2A, yêu cầu phía anh H di dời toàn bộ tài sản, vật kiến trúc có trên phần đất trả lại cho ông H diện tích đất 58,8m².

Đối với phần đất trong phạm vi các mốc M3A, M3, M4, M5, M5A, M8B nằm trong phạm vi lộ giới đã được nhà nước thu hồi nên nay phía ông H không yêu cầu xác định ranh. Ông H không có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà L.

- Bị đơn anh Võ Văn H và là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Thảo Ng, Mai Thị L trình bày:

Hộ anh H có diện tích đất 459m² thuộc thửa 3, tờ bản đồ số 7 tọa lạc ấp Thanh T, xã Nh. M giáp ranh thửa số 2 của ông H đang tranh chấp.

Nguồn gốc đất thừa số 2, 3 nêu trên trước đây là thuộc thửa 1118, tờ bản đồ số 1 do cha ruột là ông Võ Văn Th đứng tên. Ngày 23/8/2004, ông Th thực hiện thủ tục tách quyền sử dụng đất cho các con, cụ thể:

+ Thửa 2164 cho bà Võ Thị L (nay là thửa số 2, tờ bản đồ số 7, đang tranh chấp), chiều ngang trước là 11m, ngang sau ghi là 11m nhưng thực tế không đo đạc.

+ Thửa 2163 cho anh Võ Văn H (nay là thửa 3, tờ bản đồ số 7), chiều ngang trước là 11m, ngang sau ghi là 11m nhưng thực tế không đo đạc.

Ranh đất giữa anh H và bà L được xác định là một trụ cây, hiện nay trụ này không còn. Sau đó, bà L chuyển nhượng đất cho ông H, chuyển nhượng thời gian nào thì anh H không biết vì không có đo đạc, anh H không ký giáp ranh.

Đến năm 2016, ông H tiến hành cắm trụ đá để xác định ranh đất giữa hai bên, trụ ranh được xác định như sau:

+ Trụ 1: ở vị trí từ tim đường Quảng Khánh đo về sông Cã Môn 8,5m, từ trụ đá giáp ranh với ông Nh đo về đất anh H 11m.

+ Trụ 2: ở vị trí sông Cã Môn, từ trụ đá giáp ranh với ông Nh đo về đất anh H 10,4m.

+ Trụ 3: nằm ở trung điểm đường thẳng nối từ trụ số 1 đến trụ số 2.

Việc cắm trụ ranh như trên có ông M, ông Sáu M, ông D (Tám M) chứng kiến. Hiện nay trên đất vẫn còn 03 trụ đá này, vị trí đúng như khi Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ.

Trên phần đất anh H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đây ông có xây dựng căn nhà (khoảng 15 năm). Đến năm 2017, anh H cuốn nền, xây hàng rào và di dời căn nhà đến vị trí hiện nay. Khi xây dựng thì phía ông H có tranh cãi nhưng anh H xác định ông xây dựng trên phần đất của mình nên không dừng lại mà tiếp tục xây đến hoàn thành.

Khi ông H khiếu nại ở địa phương thì trước khi hòa giải, địa chính xã có đo đạc thực tế đã xác định đất của anh H thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp (ngang trước 9,2m, ngang sau 9,4m) nên không có việc anh H đồng ý trả đất cho ông H như bà T trình bày.

Nay anh H đề nghị Tòa án căn cứ hồ sơ tách thửa quyền sử dụng đất năm 2004, quá trình sử dụng đất và lời khai người làm chứng để giải quyết. Ngoài ra anh H không có chứng cứ nào khác.

Anh H thống nhất với Bản đồ trích đo và Sơ đồ mốc đo đạc diện tích đất tranh chấp; thống nhất kết quả định giá.

Anh H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà xác định ranh giới đường thẳng nối hai mốc M8B đến M7A. Đối với phần đất trong

phạm vi các mốc M9A, M9, M9B, M8A, M8B nằm trong phạm vi lộ giới đã được nhà nước thu hồi.

Trong diện tích đất tranh chấp có phần kiến trúc (nhà, hàng rào) và cây cối của anh H, trường hợp Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của ông H thì anh H đồng ý tự di dời tất cả các tài sản có trên đất.

Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C. L quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất số 2, tờ bản đồ số 7 do ông Võ Thái H đứng tên với thửa đất số 3, tờ bản đồ số 7 do hộ anh Võ Văn H đứng tên, đất tọa lạc tại ấp Thanh T, xã Nh.M, huyện C.L được xác định là đường thẳng nối từ mốc M8B đến mốc M7A theo Bản đồ trích đo diện tích đất tranh chấp của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường Đồng Tháp ngày 13/7/2018.

Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất.

Ông Võ Thái H và anh Võ Văn H có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉnh lý lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Thái H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.911.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 700.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000282, ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C L. Ông H còn phải nộp thêm số tiền 1.211.000 đồng.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Võ Thái H phải chịu 2.475.770 đồng. Ông H đã nộp và chi xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự. Sau khi xét xử sơ thẩm ông H kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn bà T và bị đơn anh H có mặt và khẳng định đã xuất trình thêm đầy đủ chứng cứ cho Tòa án giải quyết vụ án.

Bà T trình bày bà và các con anh H, anh H không có yêu cầu gì trong vụ án tranh chấp này, bà yêu cầu xem xét thẩm định lại đất tranh chấp; ông H, bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo là yêu cầu giữ nguyên ranh đất phía đường Quảng Khánh từ vị trí M5A qua đến M8B là 11,14m Giáp rạch Cả Môn từ M1 đo qua M7A là 9,88m, từ vị trí M7A đo qua thêm đất anh H đến M7B là 1,12m; Tổng cộng chiều ngang là 11m.

Nối từ mốc M7B đến mốc M7C là 3,47m, mốc M7C đến mốc M8 là 33,35m, từ mốc M8 đến mốc M8B là 2,01m; Tổng chiều dài 38,83m. Đất tranh chấp theo sơ đồ trích đo tại vị trí 3,4,5,6 diện tích là $1,3m^2 + 2,4m^2 + 3,5m^2 + 6,7m^2 = 13,9m^2$.

Bà T và anh H thống nhất với nhau không tranh chấp ranh đất từ mốc M8B đến mốc M8 (trụ đá) có chiều dài 2,01m đến trụ đá giữa là 11,89m. Từ trụ đá giữa bà T yêu cầu xác định ranh đất là tại vị trí M7B; anh H xác định ranh đất từ trụ đá giữa đến trụ đá M7A.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông H trình bày: Việc ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu phía sông Cả Môn ranh đất là tại mốc M7B; căn cứ là biên bản hòa giải Ban nhân dân ấp Thanh T và lời khai của người làm chứng ông V, ông M. Bên anh H thiếu đất là do chưa xác định ranh đất với bà L, ông Th. Bên anh Nh đã thống nhất xác định ranh đất với ông H, anh H nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông H.

Anh H trình bày do đất anh cũng thiếu nên không đồng ý theo yêu cầu ông H; anh yêu cầu giữ nguyên ranh đất giáp sông Cả Môn tại vị trí trụ đá M7.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị sửa bản án sơ thẩm; chấp nhận một phần nội dung đơn kháng cáo của ông H; nối mốc M7D đến trụ đá giữa đến các mốc M8-M8B-M8A là ranh giữa ông H với anh H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung các đương sự tranh chấp: ông Võ Thái H yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa diện tích đất của ông H thuộc thửa đất số 2 với anh Võ Văn H thuộc thửa đất số 3; cùng tờ bản đồ địa chính số 7, đất tọa lạc tại ấp Thanh T, xã Nh.M, huyện C L.

[2] Nguồn gốc đất hai thửa tranh chấp là thuộc thửa 1118, tờ bản đồ số 1 do cha ruột của ông H và anh H, bà Võ Thị L là ông Võ Văn Th đứng tên. Ngày 23/8/2004, ông Th thực hiện thủ tục tách quyền sử dụng đất cho các con, khi thực hiện thủ tục tách thửa đất chỉ có đo đạc thực tế phần giáp lộ Quảng Khánh và ghi thể hiện:

+ Thửa 2164 (nay là thửa số 2, tờ bản đồ số 7 của bà L), chiều ngang trước là 11m, ngang sau ghi là 11m.

+ Thửa 2163 (nay là thửa 3, tờ bản đồ số 7 của anh H), chiều ngang trước là 11m, ngang sau ghi là 11m.

Năm 2007 theo sơ đồ đo đạc của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình đường Quảng Khánh – Phương Trà, huyện C L đã xác định diện tích đất thu hồi của bà Võ Thị L là $49,5\text{m}^2$, trong đó chiều ngang giáp lộ Quảng Khánh là 11m, chiều ngang còn lại là 11,09m; chiều ngang sông Cả Môn là 12,07m. Diện tích đất thu hồi của anh Võ Văn H là 50m^2 , trong đó chiều ngang giáp lộ Quảng Khánh là 11,18m, chiều ngang còn lại là 11,09m; chiều ngang sông Cả Môn là 10,92m và ra quyết định thu hồi, bồi thường đất. Năm 2013 ra quyết định điều chỉnh biên động giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà L diện tích thu hồi là $49,5\text{m}^2$ như vậy diện tích theo giấy còn lại $445,5\text{m}^2$.

Năm 2014, ông H nhận chuyển nhượng diện tích đất tranh chấp của bà Võ Thị L. Khi chuyển nhượng thì không đo đạc thực tế mà chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 2, tờ bản đồ số 7, theo giấy chứng nhận diện tích 495m^2 .

[3] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Các đương sự thống nhất khi chuyển nhượng thì không xác định ranh giới quyền sử dụng đất của thửa đất. Bà Lem xác định lúc chuyển nhượng giữa bà Lem và anh Hùng là chị em ruột nên không xác định ranh, bà L chỉ căn cứ theo kết quả tách thửa đất của ông Th chia đất mỗi bên ngang 11m. Khi chuyển nhượng bà L có nói rõ cho ông H biết đất có chiều ngang 11m. Theo phía ông H trình bày thì sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông H mới thuê người cắm 03 trụ đá giáp ranh với phía anh H. Căn cứ để ông H cắm 03 trụ ranh phía giáp anh H là theo thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông H được cấp.

Đến khoảng cuối năm 2017, ông H đến xem lại diện tích đất thì phát hiện trụ đá bị di dời. Tuy nhiên ai di dời, di dời như thế nào thì ông H không biết. Ông H khi xác định ranh không quan tâm đến nguồn gốc đất, hồ sơ tách thửa đất, thực tế sử dụng đất mà chỉ cần căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên yêu cầu anh H di dời toàn bộ tài sản, vật kiến trúc có trên phần đất trả lại cho ông H diện tích đất $58,8\text{m}^2$ là không có căn cứ do đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

[4] Ông H không đồng ý kháng cáo yêu cầu Tòa án xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của ông. Tại phiên tòa phúc thẩm bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu kháng cáo. Bà T và anh H thống nhất với nhau không tranh chấp ranh đất từ mốc M8B đến mốc M8 (trụ đá) có chiều dài 2,01m đến trụ đá giữa là 11,80m. Bà T yêu cầu xác định ranh đất nổi từ mốc M7B đến mốc M7C là 3,47m, từ mốc M7C đến mốc M8 là 33,35m; Từ mốc M8 đến mốc M8B là 2,01m; Tổng chiều dài 38,83m.

[5] Xét kháng cáo ông H thì theo lời khai bà L khai bà thỏa thuận chuyển nhượng cho ông H diện tích đất chiều ngang giáp lộ Quảng Khánh là 11m, giáp sông Cả Môn là 10m; chứ không phụ thuộc vào diện tích được nhà nước cấp quyền sử dụng đất.

Anh H thừa nhận năm 2014 ông H đem trụ đá trồng thì giáp sông Cả Môn đo từ trụ đá ranh đất anh Nh đo qua đến đất anh H 10,40m. Năm 2016 mới bơm cát vào. Anh H di dời cát nhà lại năm 2017 và xây bờ tường rào ra đến mé sông nhưng có chừa lại chiều ngang 20cm để làm đường thoát nước.

Qua xem xét hiện trạng đất: từ vị trí giáp lộ Quảng Khánh không tranh chấp ranh đất từ mốc M8B mốc M8 (trụ đá) có chiều dài 2,01m đến trụ đá giữa là 11,89m thì anh H xây bó tường nhà sát vị trí trụ đá. Từ vị trí trụ đá giữa đến trụ đá giáp sông Cả Môn thì anh H xây bờ tường rào chừa khoảng cách qua trụ đá ranh M7 là 0,32m theo anh H là để chừa làm lối thoát nước sau này nhưng thực tế là anh H đã đặt lối ống thoát nước phía trong bờ tường nhà anh. Do bà T không chứng minh được đất chiều ngang giáp sông Cả Môn là 11m nên không chấp nhận kháng cáo ông H.

Tuy nhiên căn cứ vào lời thừa nhận của anh H là đất ông H chiều ngang vị trí sông Cả Môn là 10,40m; đồng thời khi xảy ra tranh chấp ban đầu ngày 21/10/2017 theo biên bản hòa giải của Tổ hòa giải Ban nhân dân ấp 2 các bên có đo đạc thực tế đất đang sử dụng thì giáp sông Cả Môn thì chiều ngang đất ông H là 10,30m; đất anh H là 9,40m. Qua đo đạc thực tế theo sơ đồ đo đạc ngày 23/5/2019 thì đo từ vị trí ranh đất anh Nh tại mốc M1A qua trụ đá M7 là 9,94m, từ trụ đá M7 đo qua bờ tường xây 0,32m thì chiều ngang đất ông H là 10,26m là đúng với ranh đất của thực tế sử dụng đất các bên và phù hợp với việc anh H xây tường rào để xác định ranh giữa đất ông H và đất anh H.

Do đó chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông H là ranh đất giữa đất ông H và anh H giáp sông Cả Môn được xác định là từ tại mốc trụ đá M7 đo qua vị trí cuối giáp bờ tường rào xây là 0,32m là ranh đất giữa hai bên.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị sửa bản án sơ thẩm là phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định sửa bản án sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.475.770 đồng, do chấp nhận một phần yêu cầu của ông H nên ông H và anh H mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí. Ông H đã nộp và chi xong nên anh H có trách nhiệm trả lại cho ông H số tiền 1.237.885 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Án phí phúc thẩm ông H không phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147,148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 175 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 203 Luật đất đai 2013;

- Thông tư 25/2014/TT-BTNMT, ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Võ Thái H.

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Võ Thái H.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông Võ Thái H tại thửa đất số 2 với đất hộ anh Võ Văn H, Mai Thị L, Võ Thị Thảo Ng (gọi tắt là hộ anh H) thửa đất số 3 là đường thẳng nối từ mốc mốc M8B – M8 (trụ đá) đến trụ đá giữa đến mốc M7D. Đất tọa lạc tại ấp Thanh T, xã Nh.M, huyện C.L, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian tài sản của hai bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định pháp luật.

(Kèm theo Bản đồ trích đo, sơ đồ mốc diện tích đất tranh chấp của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường Đồng Tháp và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/5/2019).

Các đương sự (ông Võ Thái H và hộ anh Võ Văn H) có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉnh lý lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Thái H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 700.000 đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000282, ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. L. Ông H được nhận lại số tiền 400.000 đồng.

Anh Võ Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Anh Võ Văn H có trách nhiệm trả lại cho ông Võ Thái H số tiền 1.237.885 đồng.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Võ Thái H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001101, ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. L, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp;
- Tòa án huyện C.L;
- Chi cục THADS huyện C. L;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Chí Tâm